

Việc quản lý vốn đầu tư đường bộ thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 14. Nguồn vốn để đầu tư đường bộ.

1. Vốn đầu tư đường bộ đối với hệ thống quốc lộ được bố trí từ ngân sách Trung ương và từ các nguồn vốn khác.

2. Vốn đầu tư đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện chủ yếu bố trí từ nguồn vốn của ngân sách địa phương và từ các nguồn vốn khác.

3. Vốn đầu tư đường bộ đối với hệ thống đường xã chủ yếu huy động từ sự đóng góp tài, lực của nhân dân địa phương, của ngân sách xã và một phần hỗ trợ của ngân sách cấp trên và từ các nguồn vốn khác.

Điều 15. Vốn cho quản lý và sửa chữa đường bộ được sử dụng vào các công việc sau đây:

1. Quản lý và sửa chữa thường xuyên;
2. Sửa chữa định kỳ;
3. Sửa chữa đột xuất.

Bộ Giao thông vận tải thống nhất với Bộ Tài chính để quy định cụ thể việc quản lý vốn đầu tư cho công tác quản lý và sửa chữa đường bộ trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 16. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nguồn vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng mới, khôi phục, cải tạo và nâng cấp hệ thống đường bộ địa phương, đồng thời gửi cho Bộ Giao thông vận tải biết.

Điều 17. Bộ Tài chính thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nguồn kinh phí của Nhà nước đầu tư cho việc quản lý và sửa chữa các hệ thống đường địa phương, đồng thời gửi cho Bộ Giao thông vận tải biết.

Điều 18. Vốn đầu tư công trình đường bộ theo các hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) và Xây dựng - Chuyển giao (BT) thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 20. Bộ Giao thông vận tải chủ trì và phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 21. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 168/1999/NĐ-CP ngày 29/11/1999 quy định danh mục và chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên ngày 27 tháng 8 năm 1996;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Nghị định này ban hành danh mục phương tiện kỹ thuật (có Phụ lục kèm theo) và quy định chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội.

Điều 2. Nghị định này không áp dụng đối với phương tiện kỹ thuật trong biên chế của các đơn vị vũ trang nhân dân, phương tiện kỹ thuật thuộc sở hữu của các tổ chức, cá nhân nước ngoài và của các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Trong Nghị định này các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Chủ phương tiện kỹ thuật là tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu hoặc trực tiếp thực hiện quyền sở hữu đối với phương tiện kỹ thuật.

2. Nơi cư trú của chủ phương tiện kỹ thuật:

a) Nếu chủ phương tiện kỹ thuật là tổ chức thì nơi cư trú là nơi đặt trụ sở;

b) Nếu chủ phương tiện kỹ thuật là cá nhân thì nơi cư trú là nơi thường xuyên sinh sống và có hộ khẩu thường trú hoặc nơi tạm trú và có đăng ký tạm trú.

Điều 4. Các phương tiện vận tải cơ giới và phương tiện chuyên dùng đường bộ, đường thủy; các phương tiện xếp dỡ hàng hóa và các loại xe máy xây dựng cầu đường, xây dựng công trình thuộc diện có đăng ký quyền sở hữu phải đăng ký trực tiếp với cơ quan quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là huyện) nơi cư trú theo chế độ, thủ tục quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8 của Nghị định này. Các phương tiện kỹ thuật còn lại không đăng ký trực tiếp với cơ quan quân sự huyện mà hàng năm thực hiện chế độ báo cáo thực lực (số lượng, chất lượng hiện có) theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 10 của Nghị định này.

Điều 5.

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp

giấy chứng nhận quyền sở hữu phương tiện kỹ thuật, chủ phương tiện kỹ thuật phải đến cơ quan quân sự huyện để đăng ký lần đầu.

2. Thủ tục đăng ký:

a) Chủ phương tiện kỹ thuật xuất trình giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu phương tiện kỹ thuật và cung cấp những thông tin về phương tiện kỹ thuật cho cơ quan quân sự huyện.

b) Cơ quan quân sự huyện ghi vào sổ đăng ký phương tiện kỹ thuật, lập phiếu đăng ký phương tiện kỹ thuật và cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện kỹ thuật cho chủ phương tiện.

Điều 6.

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi xảy ra một trong các trường hợp dưới đây, chủ phương tiện kỹ thuật phải đăng ký bổ sung, đăng ký thay đổi với cơ quan quân sự huyện nơi đã đăng ký lần đầu:

a) Chủ phương tiện kỹ thuật là cá nhân có thay đổi nơi cư trú trong địa bàn huyện.

b) Phương tiện kỹ thuật có thay đổi tính năng, công dụng và tình trạng kỹ thuật theo kết quả kiểm định của cơ quan kiểm định nhà nước.

2. Thủ tục đăng ký:

a) Chủ phương tiện kỹ thuật phải trực tiếp xuất trình hoặc gửi giấy thông báo bổ sung, thay đổi phương tiện kỹ thuật đến cơ quan quân sự huyện. Giấy thông báo bổ sung, thay đổi phương tiện kỹ thuật do người đứng đầu tổ chức ký, đóng dấu (nếu là tổ chức) hoặc được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) ký xác nhận (nếu là cá nhân).

b) Khi nhận được giấy thông báo bổ sung thay đổi phương tiện kỹ thuật, cơ quan quân sự huyện kiểm tra và ghi nội dung bổ sung, thay đổi vào sổ đăng ký phương tiện kỹ thuật, phiếu đăng ký phương tiện kỹ thuật.

Điều 7.

1. Trường hợp chủ phương tiện kỹ thuật thay

đổi nơi cư trú ra ngoài địa bàn của huyện thì phải đăng ký di chuyển.

2. Thủ tục đăng ký:

a) Trước khi rời khỏi nơi cư trú cũ, chủ phương tiện kỹ thuật phải đến cơ quan quân sự huyện xuất trình giấy di chuyển nơi cư trú. Cơ quan quân sự huyện kiểm tra và xóa tên trong sổ đăng ký phương tiện kỹ thuật, cấp giấy giới thiệu di chuyển phương tiện kỹ thuật và phiếu đăng ký phương tiện kỹ thuật cho chủ phương tiện kỹ thuật mang đến nơi cư trú mới.

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi đến nơi cư trú mới, chủ phương tiện kỹ thuật phải đến cơ quan quân sự huyện xuất trình giấy đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú, giấy giới thiệu di chuyển phương tiện kỹ thuật, phiếu đăng ký phương tiện kỹ thuật và giấy chứng nhận đăng ký phương tiện kỹ thuật. Cơ quan quân sự huyện thực hiện việc đăng ký như quy định tại Điều 5 của Nghị định này.

Điều 8.

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi xảy ra một trong các trường hợp dưới đây, chủ phương tiện kỹ thuật phải đến cơ quan quân sự huyện nơi đã đăng ký lần đầu làm thủ tục xóa đăng ký:

a) Phương tiện kỹ thuật bị hư hỏng nặng không phục hồi được.

b) Phương tiện kỹ thuật được phép cải tạo, hoán cải thành loại phương tiện kỹ thuật khác không nằm trong danh mục kèm theo Nghị định này.

c) Phương tiện kỹ thuật thay đổi chủ sở hữu.

d) Phương tiện kỹ thuật bị coi là mất tích, bị tiêu hủy, bị chìm đắm, bị cháy hoặc bị các tai nạn khác mà không trục vớt, sửa chữa được.

2. Thủ tục xóa đăng ký:

a) Chủ phương tiện kỹ thuật xuất trình giấy đề nghị xóa đăng ký phương tiện kỹ thuật, có xác nhận của người đứng đầu tổ chức (nếu là tổ chức) hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã (nếu là cá

nhân) và nộp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện kỹ thuật.

b) Cơ quan quân sự huyện kiểm tra và xóa tên trong sổ đăng ký phương tiện kỹ thuật, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký phương tiện kỹ thuật.

Điều 9.

1. Phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (trừ phương tiện kỹ thuật sắp xếp trong các đơn vị dự bị động viên do Bộ, ngành xây dựng) phải đăng ký tạm vắng khi xảy ra một trong các trường hợp dưới đây:

a) Phương tiện kỹ thuật hoạt động thường xuyên ngoài địa bàn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là tỉnh) từ 6 tháng trở lên.

b) Phương tiện kỹ thuật dùng vào việc cầm cố, thế chấp, cầm giữ tài sản.

2. Thủ tục đăng ký:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi đưa phương tiện kỹ thuật hoạt động ngoài địa bàn của tỉnh hoặc từ khi làm xong thủ tục cầm cố, thế chấp, cầm giữ phương tiện kỹ thuật, chủ phương tiện kỹ thuật phải gửi giấy thông báo phương tiện kỹ thuật tạm vắng có xác nhận của người đứng đầu tổ chức (nếu là tổ chức) hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã (nếu là cá nhân) đến cơ quan quân sự huyện. Cơ quan quân sự huyện kiểm tra và ghi tên phương tiện kỹ thuật vào sổ đăng ký phương tiện kỹ thuật tạm vắng.

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi phương tiện kỹ thuật không hoạt động ngoài địa bàn của tỉnh hoặc từ khi làm xong thủ tục phương tiện kỹ thuật hết thời hạn cầm cố, thế chấp, cầm giữ, chủ phương tiện kỹ thuật phải gửi giấy thông báo phương tiện kỹ thuật hết thời hạn tạm vắng (có xác nhận như quy định tại điểm a khoản 2 Điều này) đến cơ quan quân sự huyện. Cơ quan quân sự huyện kiểm tra và xóa tên trong sổ đăng ký phương tiện kỹ thuật tạm vắng.

Điều 10. Chế độ thống kê báo cáo phương tiện kỹ thuật được quy định như sau:

1. Chủ phương tiện kỹ thuật là tổ chức có trách nhiệm tổng hợp báo cáo thực lực phương tiện kỹ thuật của mình (trừ phương tiện vận tải đường không và phương tiện chuyên dùng hàng không dân dụng) đến cơ quan quân sự huyện nơi cư trú vào 15 ngày cuối tháng 1 hàng năm.

2. Cơ quan quân sự huyện tổng hợp thực lực phương tiện kỹ thuật có trên địa bàn và báo cáo cơ quan quân sự tỉnh vào 15 ngày cuối tháng 2 hàng năm.

3. Cơ quan quân sự tỉnh tổng hợp thực lực phương tiện kỹ thuật có trên địa bàn và báo cáo Quân khu, Bộ Quốc phòng vào 15 ngày cuối tháng 3 hàng năm.

4. Cục Hàng không dân dụng Việt Nam tổng hợp và báo cáo Bộ Quốc phòng thực lực phương tiện vận tải đường không và phương tiện chuyên dùng hàng không dân dụng trong cả nước vào 15 ngày cuối tháng 1 hàng năm.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm cung cấp tình hình và số liệu về phương tiện kỹ thuật khi có yêu cầu của Bộ Quốc phòng.

6. Các cơ quan Công an, Giao thông vận tải tỉnh và các cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực thuộc Bộ Giao thông vận tải và Bộ Thủy sản có trách nhiệm cung cấp tình hình và số liệu về phương tiện kỹ thuật mà cơ quan đã đăng ký, quản lý khi có yêu cầu của cơ quan quân sự cấp tỉnh.

Điều 11. Kinh phí chi cho việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 27 và khoản 1 Điều 30, Mục II, Chương V Nghị định số 39/CP ngày 28 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ.

Điều 12. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật trong phạm vi cả nước và quy định các loại giấy tờ, sổ sách, biểu mẫu đăng ký, thống kê báo cáo phương tiện kỹ thuật.

Các Bộ: Công an, Giao thông vận tải, Thủy sản phối hợp với Bộ Quốc phòng trong việc chỉ đạo,

hướng dẫn việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật. Đồng thời chỉ đạo các cơ quan thuộc quyền có nhiệm vụ đăng ký hành chính, đăng kiểm chất lượng phương tiện kỹ thuật phối hợp với cơ quan quân sự tỉnh trong việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật.

Tư lệnh Quân khu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật trên địa bàn Quân khu.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan quân sự, cơ quan công an, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan khác có liên quan thực hiện việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo cơ quan quân sự cùng cấp và các Ban, ngành khác có liên quan trực tiếp đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật trên địa bàn huyện.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện những quy định về đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật trong Nghị định này.

Điều 13. Tổ chức, cá nhân có phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội nếu vi phạm những quy định về đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật được quy định trong Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Các khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân có liên quan đến chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ những quy định trước đây về đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật.

Điều 15. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm hướng dẫn hoặc phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 16. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng
PHAN VĂN KHAI

PHỤ LỤC danh mục phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội

(ban hành kèm theo Nghị định số 168/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ).

1. Phương tiện vận tải cơ giới đường bộ và phương tiện chuyên dùng đường bộ:

- Xe ô tô con 2 cầu
- Xe vận tải hàng hóa, trọng tải từ 2,5 tấn trở lên
- Xe vận tải hành khách từ 8 chỗ ngồi trở lên
- Xe ô tô tự đổ, trọng tải từ 2,5 tấn trở lên
- Xe ô tô chở nhiên liệu lỏng, nhiên liệu khí, chở nước
- Xe tra nhiên liệu
- Xe cứu hỏa
- Xe cứu thương
- Xe Plát phốc, sơ mi rơ moóc
- Xe xích kéo
- Xe sửa chữa
- Máy kéo bánh lốp, bánh xích.

2. Phương tiện vận tải cơ giới đường thủy và phương tiện chuyên dùng đường thủy:

(đường sông, pha sông biển, đường biển)

- Tàu, ca nô, xuồng máy tuần phòng các loại
- Tàu kéo, đẩy công suất từ 90 CV trở lên
- Thuyền máy chở hàng hóa, trọng tải từ 50 tấn trở lên
- Xà lan, xà lan tự hành trọng tải từ 50 tấn trở lên
- Tàu, thuyền máy đánh bắt hải sản, trọng tải từ 50 tấn đến dưới 1.000 tấn
- Tàu chở hàng khô, hàng rời trọng tải từ 50 tấn đến dưới 1.000 tấn
- Tàu chở nhiên liệu lỏng, khí, chở nước trọng tải từ 50 tấn đến dưới 1.000 tấn.
- Tàu chở thực phẩm trọng tải từ 50 tấn đến dưới 1.000 tấn.
- Tàu chở khách từ 50 chỗ ngồi trở lên
- Tàu đo đạc
- Tàu nghiên cứu biển
- Tàu thả phao tiêu
- Tàu trục vớt, cứu hộ
- Tàu cuốc, nạo vét, hút bùn
- Tàu biển các loại trọng tải từ 1.000 tấn trở lên
- Tàu sửa chữa
- Các phương tiện nổi khác: Phòng tông, nhà nổi, kho nổi, đốc nổi...
- Phà, phà tự hành
- Cầu phao
- Các loại máy, thiết bị lặn
- Các phương tiện cứu sinh trên biển.

3. Phương tiện vận tải đường không và phương tiện chuyên dùng hàng không dân dụng:

a) Máy bay:

- Máy bay trực thăng các loại
- Máy bay vận tải hành khách
- Máy bay vận tải hàng hóa
- Máy bay chụp ảnh
- Máy bay chuyên dùng khác.

b) Các loại xe, máy, thiết bị hỗ trợ và bảo đảm bay:

- Các loại xe máy: Xe điện, xe nâng, máy nén khí, xe tra nạp xăng dầu
- Các xưởng, trạm kỹ thuật hàng không dân dụng
- Các trang thiết bị thông tin, dẫn đường và giám sát, thiết bị báo hiệu
- Các trang thiết bị khí tượng hàng không.

4. Phương tiện xây dựng cầu đường, xây dựng công trình:

a) Các loại xe, máy xây dựng cầu đường, xây dựng công trình::

- Máy đóng cọc
- Máy ép cọc
- Máy đào đất
- Máy xúc
- Máy hút
- Máy vét chuyển
- Máy san gạt
- Máy lu các loại (bánh lốp, bánh thép, chân cừu..)
- Máy đầm các loại (đầm đĩa, đầm bàn, đầm cạnh...)
- Các thiết bị quạt gió, thông gió, lọc độc, thông hơi đường hầm
- Các loại máy, thiết bị chuyên dùng xây dựng công trình sân bay
- Các loại máy, thiết bị chuyên dùng xây dựng công trình cầu cảng
- Trạm nguồn điện chạy xăng, chạy diesel các loại.

b) Các loại máy, thiết bị sản xuất, gia công vật liệu:

- Máy khoan đá
- Máy nghiền sàng đá
- Máy ép hơi
- Thiết bị gia công chế biến gỗ (máy cưa sọc, cưa

vòng, cưa đĩa, cưa bàn, cưa xích, thiết bị ngâm tẩm sấy gỗ)

- Thiết bị gia công thép, cắt uốn thép liên hợp
- Các loại xe, máy trộn, trạm trộn, nấu, tưới, rải nhựa đường, nhũ tương, bê tông át phan
- Các loại xe, máy trộn, trạm trộn, thiết bị phun vữa bê tông xi măng.

c) Các loại máy, thiết bị cấp nước:

- Trạm lọc nước ngọt, nước mặn công suất từ 2,5 m³/h trở lên
- Máy khoan giếng đường kính lỗ khoan \varnothing 200 mm trở lên, năng suất đào từ 10m/h trở lên
- Máy bơm nước, công suất 30m³/h trở lên
- Thiết bị dò, tìm nguồn nước.

5. Phương tiện xếp dỡ hàng hóa:

- Xe ô tô cần cầu sức nâng từ 3,5 tấn trở lên
- Các loại cần cầu tự hành
- Các loại cần cầu nổi
- Các loại xe nâng hàng
- Các phương tiện bốc xếp hàng hóa khác.

6. Phương tiện thông tin liên lạc:

a) Thiết bị truyền dẫn:

- Thiết bị truyền dẫn VTĐ: thiết bị vệ tinh, thiết bị vi ba số các loại, thiết bị thu và phát VTĐ các loại
- Thiết bị truyền dẫn HTĐ: thiết bị thông tin cáp quang, thiết bị thông tin cáp đồng trục, thiết bị thông tin cáp đối xứng các loại.

b) Thiết bị chuyển mạch:

- Tổng đài điện thoại các loại
- Tổng đài điện báo, Telex và truyền số liệu các loại.

c) Thiết bị đầu cuối:

- Máy điện thoại cố định và di động các loại
- Máy FAX các loại
- Thiết bị truyền số liệu đầu cuối các loại

- Thiết bị truyền hình, truyền báo, ảnh đầu cuối các loại.

7. Phương tiện, thiết bị, vật tư y tế:

Thực hiện theo trang bị phương tiện, thiết bị, vật tư y tế trong biểu biên chế đơn vị chuyên môn dự bị ngành y tế do Bộ Quốc phòng quy định.

8. Phương tiện, máy, thiết bị khác:

- Máy, thiết bị trắc địa bản đồ
- Các thiết bị phòng hóa, phòng độc
- Khí tài quang học các loại: Máy kinh vĩ, thủy chuẩn máy toàn đạc, đo xa, chụp ảnh từ xa, ống nhòm, địa bàn
- Thiết bị đo khí tượng, thủy văn, đo gió, đo lưu tốc nước, đo độ ẩm, đo lượng mưa
- Thiết bị dò tìm kim loại, khoáng sản./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 169/1999/NĐ-CP ngày 03/12/1999 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 58/CP ngày 03/10/1996 của Chính phủ về cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức ở Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Điều của Nghị định số 58/CP ngày 03 tháng 10 năm 1996 của Chính phủ về cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức ở Việt Nam như sau:

1. Bổ sung vào Điều 2 các khoản 6, 7, 8, 9, 10 như sau:

6. Nhà thầu (thầu chính, thầu phụ) là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam hoặc nước ngoài nhận thầu. Trong trường hợp đấu thầu tuyển chọn tư vấn, nhà thầu có thể là cá nhân.

7. Các cơ sở y tế, văn hóa, thể thao, giáo dục và đào tạo.

8. Văn phòng đại diện, chi nhánh của các công ty nước ngoài, Văn phòng đại diện của các tổ chức: kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, y tế, tư vấn pháp luật.

9. Ngân hàng liên doanh với nước ngoài, chi nhánh ngân hàng liên doanh với nước ngoài, bao gồm cả chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam; công ty liên doanh bảo hiểm hoặc công ty liên doanh môi giới bảo hiểm, chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

10. Hợp tác xã.

Đối với người nước ngoài được người sử dụng lao động nêu trên thuê để xử lý khó khăn trong trường hợp khẩn cấp (trường hợp khẩn cấp được quy định là những sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ